TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Phật pháp và Kinh tế học

ISSN: 2734-9195 10:35 26/11/2026

Chỉ khi nào kinh tế được đặt trở lại đúng vị trí là phương tiện phụng sự sự sống, thì sự thịnh vượng vật chất mới thực sự trở thành mảnh đất lành cho hạnh phúc bền vững của nhân loại.

Trong suốt chiều dài **lịch sử** nhân loại, hoạt động kinh tế luôn giữ vai trò sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Từ những buổi chợ phiên trao đổi hàng hóa sơ khai cho đến hệ thống thị trường tài chính phức tạp ngày nay, con người chưa bao giờ ngừng tìm cách tạo ra của cải, nâng cao năng suất và cải thiện đời sống vật chất. Nhờ sự bứt phá của khoa học, công nghệ và giao thương quốc tế, hàng hóa, dòng vốn cùng tri thức đã lưu chuyển vượt qua mọi biên giới địa lý, mang lại những thành tựu thịnh vượng chưa từng có.

Thế nhưng, song hành với bức tranh rực rỡ của sự tăng trưởng ấy là những khoảng tối ngày càng lộ rõ. Khoảng cách giàu nghèo, tài nguyên thiên nhiên đứng trước nguy cơ cạn kiệt, môi trường sinh thái bị tàn phá nặng nề, còn người lao động thì kiệt sức trong guồng quay cạnh tranh khốc liệt.

Trong một xã hội bị chi phối bởi văn hóa tiêu dùng, ham muốn của con người liên tục bị kích thích, khiến cảm giác hạnh phúc dường như bị trói chặt vào khả năng sở hữu vật chất. Thế rồi, thế giới ngày càng giàu có hơn về mặt kinh tế, nhưng con người lại chẳng hề bình an hơn trong đời sống tinh thần. Điều này buộc chúng ta phải đối diện với một câu hỏi căn bản rằng rốt cuộc kinh tế sinh ra để phục vụ con người, hay chính con người đang tự biến mình thành công cụ phục vụ cho những con số tăng trưởng.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Nhiều người khi nghĩ đến **Phật giáo** với hình ảnh hơi nghiêm trọng, hoặc mang những định kiến, nhầm lẫn khá phổ biến. Phổ biến nhất là quan niệm cho rằng đạo Phật mang tư tưởng "yếm thế", khuyên con người phải bỏ hết của cải, lên núi ở, ăn chay trường, xem tiền bạc là tội lỗi. Có người nghĩ quốc gia càng thấm nhuần tinh thần Phật giáo thì kinh tế càng dễ trì trệ vì người dân thiếu động lực cạnh tranh và tích lũy. Nhưng không phải vậy. Đối với người xuất gia, việc từ bỏ tài sản riêng tư là một lựa chọn tự nguyện để chuyên tâm tu tập và phụng sự giáo pháp. Ngược lại, đối với người cư sĩ sống giữa đời thường, đức Phật chưa bao giờ dạy họ phải nghèo khó mới có thể giải thoát. Đức Phật rất thực tế. Ngài hiểu rất rõ con người cần có cơm ăn, áo mặc, có chỗ che nắng che mưa và thuốc men khi đau ốm. Nếu gia đình thiếu thốn cơm ăn áo mặc, một xã hội chìm trong đói nghèo sẽ khó lòng có điều kiện để nuôi dưỡng đạo đức và trí tuệ. Do đó, việc làm kinh tế, tạo ra của cải một cách chân chính hoàn toàn không mâu thuẫn với tinh thần Phật giáo, miễn là quá trình ấy không đánh đổi bằng sự gian dối hay nỗi đau của người khác.

Một ngộ nhận khác cũng thường gặp là sự đánh đồng giữa tinh thần "vô thường", "buông bỏ" với thái độ thụ động, cam chịu trước hoàn cảnh. Nhiều người lầm tưởng rằng tin vào luật nhân quả hay thực hành hạnh buông xả nghĩa là không cần nỗ lực thay đổi thực tại, gặp khó khăn trong làm ăn thì mặc nhiên coi đó là "nghiệp" đã định sẵn. Cách hiểu này vô tình biến một triết lý sống tích cực và chủ động thành liều thuốc an thần ru ngủ ý chí vươn lên. Muốn có quả ngọt ở tương lai, con người buộc phải gieo những hạt giống nỗ lực, trí tuệ và đạo đức ngay trong hiện tại. Buông bỏ trong đạo Phật là buông bớt sự cố chấp,

tham lam và nỗi sợ hãi để tâm trí được sáng suốt và can đảm hơn khi đối diện với những biến động của cuộc đời.

Bên cạnh đó, còn một sự nhầm lẫn khác ngay trong đời sống hiện đại, khi một bộ phận người làm kinh tế lại biến Phật giáo thành một công cụ cầu may mang màu sắc thực dụng. Thay vì áp dụng đạo đức kinh doanh, giữ chữ tín hay chăm lo cho người lao động, họ lại đổ xô đi cúng bái, dâng lễ hậu hĩnh với tâm lý "mặc cả" thần linh để mong trúng mánh, thăng quan tiến chức hay che đậy những khuất tất trong làm ăn. Đây thực chất là biểu hiện tinh vi của lòng tham được khoác lên chiếc áo tín ngưỡng, hoàn toàn đi ngược lại tinh thần tự lực, minh bạch và nhân quả công bằng của đức Phật. Tháo gỡ những lớp sương mù nhầm lẫn ấy giúp chúng ta trả lại cho tư tưởng kinh tế Phật giáo diện mạo chân thực của nó. Đó là không bài xích đồng tiền nhưng cũng không tôn thờ đồng tiền, khuyến khích làm giàu bằng trí tuệ và mồ hôi nhưng luôn đặt phẩm giá con người và sự bình an của xã hội lên trên mọi con số lợi nhuận.

Vượt qua giới hạn của những con số tăng trưởng

Khi đánh giá sự phát triển của một quốc gia, kinh tế học hiện đại thường dựa vào những thước đo quen thuộc như tổng sản phẩm quốc nội (GDP), thu nhập bình quân đầu người, năng suất lao động hay quy mô thu hút đầu tư. Những con số này thực sự cần thiết để phản ánh sức khỏe của nền kinh tế, nhưng chúng lại bất lực trong việc đo lường chất lượng sống thực sự, sự an toàn, phẩm giá hay niềm hạnh phúc bình dị của con người. Nếu một đất nước sở hữu tốc độ tăng trưởng ấn tượng, nhưng đằng sau đó là những công nhân phải làm việc trong môi trường độc hại, trẻ em vùng sâu thiếu cơ hội đến trường, người nghèo chật vật trước chi phí y tế và những dòng sông bị bức tử bởi rác thải công nghiệp. Các bảng báo cáo tài chính thường bỏ qua những tổn thất vô hình nhưng nhức nhối như sự suy kiệt sức khỏe tinh thần, sự đứt gãy tình cảm gia đình hay sự rạn nứt niềm tin giữa người với người. Khi ấy, của cải vật chất nhiều chưa chắc đã đồng nghĩa với sự phát triển toàn diện.

Phật giáo tiếp cận bài toán hạnh phúc từ một góc nhìn rộng mở và thấu đáo hơn. Bản chất của lòng tham ái là cái hố không đáy, luôn biết cách sinh sôi nảy nở ngay cả khi những mong cầu trước đó vừa được lấp đầy. Khi tâm trí bị cuốn vào vòng xoáy của sự so bì và chiếm hữu, con người có được rồi lại muốn nhiều hơn, sở hữu rồi lại nơm nớp lo sợ mất đi, đứng trên đỉnh cao rồi lại bất an trước nỗi lo tụt hậu. Giáo lý của đức Phật chỉ ra chính sự bám víu mù quáng và ham muốn thiếu kiểm soát mới là cội nguồn của mọi bất an. Khi nhu cầu vật chất được đáp ứng trong sự tỉnh thức, tiền bạc trở thành bệ đỡ vững chắc nâng đỡ cuộc sống, nhưng khi nhu cầu bị thổi phồng thành tham vọng vô độ, chính khối

tài sản ấy lại biến thành xiềng xích trói buộc tâm hồn. Tăng trưởng kinh tế suy cho cùng chỉ nên là phương tiện để phục vụ chất lượng sống.

Duyên khởi và sự nhận diện Tam độc

Theo tinh thần duyên khởi, không một sự vật hay hiện tượng nào trên đời có thể tự sinh ra và tồn tại độc lập; tất cả đều nương tựa vào nhau trong một mạng lưới nhân duyên chằng chịt. Ví dụ, chiếc điện thoại thông minh là sự hội tụ của vô vàn nguồn lực tự nhiên và sức lao động. Thế nhưng, nếu người tiêu dùng chỉ nhìn vào mức giá niêm yết và doanh nghiệp chỉ nhìn vào biên lợi nhuận, mà nhắm mắt làm ngơ trước những cánh rừng bị tàn phá để lấy khoáng sản hay những người công nhân phải làm việc kiệt sức với đồng lương rẻ mạt ở đầu chuỗi cung ứng, thì chính hành vi mua bán ấy đang vô tình tiếp tay cho sự bất công.

Doanh nghiệp cần sức khỏe của người lao động, người lao động cần môi trường làm việc tử tế, người tiêu dùng cần những sản phẩm an toàn, và toàn bộ guồng máy sản xuất của nhân loại đều đang nằm gọn trong lòng một hệ sinh thái hữu hạn của trái đất.

Nếu duyên khởi cho thấy sự gắn kết của nền kinh tế, thì giáo lý về Tam độc gồm tham, sân và si lại giúp chúng ta nhận diện những động lực tâm lý ngầm ẩn đằng sau các cuộc khủng hoảng kinh tế và môi trường. Lòng tham thể hiện qua khát vọng tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi giá, sự đầu cơ trục lợi, thao túng thị trường, khai thác tài nguyên vắt kiệt sức chịu đựng của tự nhiên, hay cơn khát mua sắm không điểm dừng để khẳng định cái tôi. Tâm sân lại bộc lộ qua sự cạnh tranh triệt hạ, thói bóc lột sức lao động, sự phân biệt đối xử và những cuộc chiến thương mại khốc liệt biến thương trường thành chiến trường. Còn vô minh, tức là si, chính là sự thiển cận và mù mờ trước những hệ quả dài hạn, như khi một nhà máy lén lút xả thải ra sông vì chỉ thấy cái lợi tiết kiệm chi phí trước mắt mà không thấy thảm họa bệnh tật cho cả vùng dân cư.

Dẫu vậy, thị trường, vốn liếng, lợi nhuận hay sự cạnh tranh tự thân chúng chỉ là những công cụ trung tính, từng giúp hàng trăm triệu người thoát khỏi cảnh đói nghèo. Vấn đề nằm ở tâm thức của người cầm công cụ ấy. Phật giáo không yêu cầu con người dập tắt mọi khát vọng vươn lên, mà biến lòng tham mù quáng thành mong muốn chính đáng được lao động và tạo ra giá trị tốt đẹp cho đời.

Nghệ thuật quản trị tài chính

Sự thực tế và gần gũi của tư tưởng kinh tế Phật giáo được thể hiện rõ nét nhất qua những lời dạy của đức Phật dành cho hàng cư sĩ tại gia trong Kinh tạng Pāli. Trong bài kinh Ādiya Sutta (Kinh Lợi ích của tài sản), đức Phật chỉ ra năm lợi ích thiết thực của khối tài sản được tạo dựng bằng mồ hôi và sự lương thiện. Trước hết dùng để nuôi sống bản thân và làm cho cha mẹ, vợ con được ấm no; tiếp đến là san sẻ, giúp đỡ bạn bè và cộng sự; thứ ba là làm quỹ dự phòng trước những rủi ro bất ngờ như bệnh tật, thiên tai; thứ tư là thực hiện trọn vẹn năm nghĩa vụ đối với thân quyến, khách khứa, tổ tiên, đóng thuế cho nhà nước và phụng sự đời sống tâm linh; và cuối cùng là cúng dường, bố thí cho những bậc tu hành chân chính.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Tiếp nối mạch tư tưởng ấy, trong Kinh Dīghajāṇu (Kinh Giáo giới Dīghajāṇu), Ngài đúc kết bốn bí quyết giúp người cư sĩ có một đời sống kinh tế vững vàng như siêng năng tinh thông nghề nghiệp, biết giữ gìn bảo vệ thành quả lao động, chọn bạn lành có đạo đức và trí tuệ để kết giao, và đặc biệt là nghệ thuật cân đối thu chi. Đức Phật ví von người sống phung phí vượt quá thu nhập giống như kẻ ăn quả sung bằng cách rung cây làm rụng cả quả xanh lẫn quả chín, còn người quá keo kiệt bủn xỉn thì chẳng khác nào kẻ chết đói ngay trên đống vàng của chính mình.

Trong Kinh Anaṇa Sutta (Kinh Không Nợ), Ngài liệt kê bốn niềm hạnh phúc lớn của người cư sĩ: niềm vui khi có tài sản hợp pháp, niềm vui khi tiêu dùng tài sản ấy vào việc hữu ích, niềm vui khi không mắc nợ ai, và cao quý nhất là niềm vui sống một cuộc đời không lỗi lầm.

Chính mạng và đạo đức trong kinh doanh, lao động

Từ nền tảng tài chính cá nhân, đạo đức kinh tế Phật giáo mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh thông qua nguyên tắc Chính mạng trong Bát Chính Đạo. Đức Phật chỉ ra năm ngành nghề buôn bán người cư sĩ cần tránh xa: buôn bán vũ khí, buôn bán chúng sinh, buôn bán thịt và sát sinh, buôn bán các chất gây say nghiện và buôn bán chất độc.

Soi chiếu vào thế kỷ XXI, lời dạy này phù hợp nhắc nhở doanh nghiệp không sản xuất công nghệ hủy diệt, bài trừ nạn buôn người và cưỡng bức lao động trong chuỗi cung ứng, không tạo ra các nền tảng kỹ thuật số cố tình gây nghiện làm tê liệt khả năng tự chủ của con người, và không sản xuất thực phẩm bẩn hay xả thải tàn phá môi trường.

Đồng thời, bài kinh Sigālovāda Sutta (Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt) còn có đoạn nói về đạo đức lao động. Người chủ có bổn phận giao việc vừa sức, trả lương thưởng xứng đáng, chăm sóc y tế khi nhân viên đau ốm, chia sẻ lợi nhuận khi làm ăn phát đạt và bảo đảm thời gian nghỉ ngơi hợp lý; ngược lại, người lao động làm việc đúng giờ, tận tâm, trung thực và giữ gìn uy tín cho doanh nghiệp. Người công nhân là một con người có nhân phẩm và xứng đáng được tôn trọng.

Vai trò kiến tạo an sinh của nhà nước

Ở tầm vĩ mô, tư tưởng Phật giáo cũng đóng góp những góc nhìn sắc bén về vai trò của nhà nước. Trong Kinh Kūṭadanta (hay Kinh Cứu La Đàn Đầu, thuộc Trường Bộ Kinh), khi một vị vua muốn tổ chức những nghi lễ tế thần tốn kém để dẹp trừ giặc cướp, vị cố vấn sáng suốt đã khuyên nhà vua hãy dẹp bỏ hình thức

mà tập trung vào chính sách kinh tế thực chất. Nhà nước cấp hạt giống và lương thực cho nông dân cày cấy, cấp vốn liếng cho thương nhân buôn bán, và trả lương bổng hậu hĩnh cho quan lại để họ tận tụy phục vụ dân chứ không sinh lòng tham nhũng. Khi người dân có kế sinh nhai ổn định, kinh tế tự khắc phồn thịnh và trộm cướp tự khắc tiêu tan.

Ngược lại, Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống (cũng thuộc Trường Bộ Kinh) cảnh báo về sự sụp đổ của một xã hội khi người lãnh đạo bỏ mặc người nghèo, chỉ dùng bạo lực để trấn áp thay vì giải quyết tận gốc rễ miếng cơm manh áo. Đạo đức và pháp luật khó lòng đứng vững nếu những nhu cầu sinh tồn căn bản của con người bị bỏ rơi. Vì vậy, lòng từ bi của nhà nước phải được thể chế hóa thành những chính sách an sinh công bằng, giáo dục, y tế phổ cập và cơ hội tiếp cận nguồn lực cho người yếu thế, đồng thời kiên quyết bác bỏ lối suy nghĩ sai lệch dùng giáo lý nghiệp báo để quy kết rằng người nghèo phải cam chịu số phận do kiếp trước.

Trung đạo và lời giải cho văn hóa tiêu dùng quá mức

Bên cạnh bài toán sản xuất và phân phối, Phật giáo đưa ra lời giải cho căn bệnh tiêu dùng quá mức của thời đại thông qua tinh thần Trung đạo và thiểu dục tri túc (ít ham muốn, biết đủ). Trung đạo dạy con người tránh xa cả hai thái cực, không đắm chìm trong hưởng thụ xa hoa trụy lạc, nhưng cũng không tự hành hạ bản thân trong sự thiếu thốn khắc khổ vô ích. Còn biết đủ hoàn toàn không phải là sự trì trệ hay chấp nhận nghèo hèn, mà là trí tuệ phân biệt rạch ròi giữa những gì ta thực sự cần để sống an vui và những gì ta muốn chỉ vì sự so bì, sĩ diện. Ở cấp độ doanh nghiệp, tinh thần này thúc đẩy sự chuyển dịch từ mô hình sản xuất tuyến tính "khai thác - tiêu dùng - vứt bỏ" sang thiết kế sinh thái, kéo dài vòng đời sản phẩm và phát triển kinh tế tuần hoàn.

Kết luận

Phật giáo thắp lên mục đích nhân văn, còn kinh tế học hiện đại cung cấp công cụ thực thi hiệu quả. Một nền kinh tế mang tinh thần Phật giáo là nền kinh tế tạo ra đủ đầy của cải để con người thoát khỏi nỗi lo cơm áo, nhưng đồng thời giúp con người giữ được sự tự do nội tâm, không biến mình thành nô lệ của đồng tiền.

Đã hơn 2.500 năm đã trôi qua, thế giới đã đổi thay qua bao cuộc cách mạng công nghiệp và công nghệ, nhưng những lời dạy của đức Phật vẫn giữ nguyên sức sống mãnh liệt. Giữa guồng quay hối hả của nền kinh tế toàn cầu hôm nay,

điều nhân loại thực sự khát khao chính là một nền kinh tế có trái tim và có tầm nhìn. Vì cuối cùng, tiền bạc và công nghệ có thể tạo ra vô số hàng hóa nhưng vĩnh viễn không thể phục hồi lại môi trường đã mất và con người cần một nội lực thật sự từ bên trong. Chỉ khi nào kinh tế được đặt trở lại đúng vị trí là phương tiện phụng sự sự sống, thì sự thịnh vượng vật chất mới thực sự trở thành mảnh đất lành cho hạnh phúc bền vững của nhân loại.

Tác giả: **Mai Thị Như Ý**